

Số: 309/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 20 tháng 03 năm 2024 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024)

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

### 1. Thời tiết

Có mây, đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng nóng. Gió đông đến đông nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 35°C - 37°C, có nơi trên 37°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 28,5°C - 29,5°C. Giá trị tổng lượng mưa <5 mm.

### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

#### a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

STT	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	-
2	Đẻ nhánh	30,0
3	Làm đòng	35,0
4	Trổ	5,0
5	Chín	174,0
6	Thu hoạch	4.013,0
	<b>Tổng</b>	<b>4.257,0</b>

#### b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
<b>1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024</b>		<b>8.116,8</b>	<b>2. Hoa, cây kiểng</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.742</b>
- RALNN	Nhiều giai đoạn	2.088,1	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	677,1	<b>3. Cây lương thực</b>		<b>438,4</b>
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	578,0	Bắp	Thu hoạch	409,1
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	276,8	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	231,7	<b>4. Cây công nghiệp</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.460,8</b>
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.295,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn						
			19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3
1	Cù Chi	Thái Mỹ	34	56	74	218	462	1.120	-
		Trung Lập Thượng	15	18	12	15	21	16	20

## III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

#### a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ xít hôi	3-6			T1-3	CC
2	OBV	2-4			Các giai đoạn	HM,BT
3	Chuột	3-5			Các giai đoạn	BT,HM
4	Đạo ôn	5-10%			C1-C3	BT

#### b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM,Q12,BC,BT,TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC,HM,CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM,Q12,TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC,CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12



TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
19	Đốm lá	5-10%			1-3	BC,HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

## 2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) **Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024:** Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 105,1 ha, giảm 31,1 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Hóc Môn với sinh vật hại chủ yếu là ốc brou vàng, ở mức nhiễm nhẹ.

### b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 trong tuần qua 604,4 ha, giảm 11,6 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 366,3 lượt ha, chiếm 60,6% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, bọ nhảy, rầy xám, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 111,3 ha, giảm 5,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích 67,8 ha, giảm 0,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 31,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 22,8 ha, tăng 0,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 21,4 ha, giảm 5,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Rầy xanh: Diện tích nhiễm 21,9 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 30,1 ha, tăng 0,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh vàng lá: Diện tích 6,1 ha, tăng 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

### c) Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.
- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.
- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

## IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

### 1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

#### a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 5 - trưởng thành với mật số thấp. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2024 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi tình hình rầy vào đên, khí tượng thủy văn tại địa phương để xuống giống “né rầy”, hạn chế thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi gây ra.
- Chú ý bệnh đạo ôn cổ bông trên lúa giai đoạn trổ - chín; chuột gây hại trên lúa giai đoạn đòng - trổ- chín.
- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

#### b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.
- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

#### c) Cây trồng khác

Cây dứa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

### 2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.



- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Trương Công Lực**



Phụ lục II

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU**

(Kèm theo Báo cáo số: 003/BC-CCTTBVTV, ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT Phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	22,8			22,8	22,6	24,0	16,6	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	67,8			67,8	68,5	69,5	48,9	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	16,8			16,8	17,5	15,9	11,0	HM,Q12,BC,BT,TD
4	Dòi đục lá	21,4			21,4	26,4	20,4	12,2	HM,CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	111,3			111,3	116,9	122,9	72,9	TD,HM,Q12,BC,BT,CC
7	Bọ trĩ	31,6			31,6	31,6	21,8	19,6	BC,CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,3	1,0	BC,BT
9	Rầy xanh	21,9			21,9	21,9	16,6	10,5	BC,HM,CC
10	Rầy xám	14,4			14,4	14,8	19,3	7,3	HM,Q12,TD
11	Bọ phấn	15,0			15,0	15,0	12,0	9,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0	-	TD
14	Ruồi đục trái	18,9			18,9	18,9	18,6	11,9	BC,CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	110,1	TD,HM,Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cài	3,3			3,3	3,9	6,6	2,2	HM,Q12,BC
18	Ri trắng/RM	30,1			30,1	29,4	34,2	22,1	TD,HM,Q12,BC,BT,CC
19	Đóm lá	5,7			5,7	5,2	9,7	4,1	BC,HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	0,5			0,5	0,6	0,5	0,3	HM
21	Vàng lá	6,1			6,1	6,0	6,7	3,6	TD,HM
	<b>Tổng</b>	<b>604,4</b>			<b>604,4</b>	<b>616,0</b>	<b>616,0</b>	<b>366,3</b>	

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số: **303**/BC-CCTTBVT, ngày **28** tháng **3** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ xít hôi	6			6	6	4,7		CC
2	Sâu phao	1,0			1,0	-	-		BT
3	Đạo ôn	1			1	1	1,1		BT
4	OBV	96			96	128	435		HM,BT
5	Chuột	1,1			1,1	1,2	2,6		HM,BT
6	Lem lép hạt	-			-	-	0,2		-
	<b>Tổng</b>	<b>105,1</b>			<b>105,1</b>	<b>136,2</b>	<b>443,6</b>		

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**